



**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM - VIETNAM REGISTER
PHÒNG TÀU BIỂN**

SEA-GOING SHIP CLASSIFICATION AND REGISTRY DEPARTMENT

ĐỊA CHỈ
ADDRESS 18 PHAM HUNG, HA NOI

TEL: (84) 4 37684701

FAX: (84) 34 7684722

Web site: www.vr.org.vn

THÔNG BÁO KỸ THUẬT- TECHNICAL INFORMATION

Ngày 29 tháng 04 năm 2009

Số thông báo: 009KT/09TB

Nội dung: Một số quy định quan trọng của IMO có hiệu lực trong giai đoạn 2008 - 2010.

Kính gửi: Các Chủ tàu/ Công ty quản lý tàu

Các Chi cục Đăng kiểm tàu biển

Chúng tôi xin gửi đến các Quý Cơ quan, kèm theo Thông báo kỹ thuật này, bản tóm tắt một số quy định quan trọng của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) có hiệu lực trong giai đoạn 2008 - 2010, và đề nghị các Quý Cơ quan lưu ý triển khai áp dụng theo đúng quy định.

Thông báo kỹ thuật này được nêu trong mục: *Thông báo của VR/ Thông báo kỹ thuật TB* của trang tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam: <http://www.vr.org.vn>

Nếu Quý cơ quan cần thêm thông tin về vấn đề nêu trên, đề nghị vui lòng liên hệ:

Cục Đăng kiểm Việt Nam, Phòng Tàu biển

Địa chỉ: 18 Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: + 4 37684701 (số máy lẻ: 521)

Fax: +4 37684722

Thư điện tử: hainv@vr.org.vn

Xin gửi đến các Quý Cơ quan lời chào trân trọng.

TRƯỞNG PHÒNG TÀU BIỂN

Nơi nhận:

-Như trên

-QP, CTB, VRQC, MT

-Lưu TB

Nguyễn Vũ Hải

**MỘT SỐ QUY ĐỊNH QUAN TRỌNG CỦA IMO CÓ HIỆU LỰC TRONG GIAI ĐOẠN 2008 - 2010
(ÁP DỤNG CHO TÀU HÀNG HOẠT ĐỘNG TUYẾN QUỐC TẾ)**

TT	Quy định	Tài liệu tham chiếu	Đối tượng áp dụng	Ngày có hiệu lực áp dụng	Ghi chú
CÔNG ƯỚC SOLAS VÀ CÁC BỘ LUẬT, NGHỊ QUYẾT LIÊN QUAN					
1	Quy định II-1/3-2 của Công ước SOLAS đã được sửa đổi, bổ sung	Nghị quyết MSC.216(82) và MSC.215(82)	Tất cả các tàu mới có tổng dung tích từ 500 trở lên (xem cột "Ghi chú").	01/07/2008	<p>-Tàu có đặc điểm sau thuộc phạm vi áp dụng Quy định II-1/3-2:</p> <p>+Có hợp đồng đóng mới vào hoặc sau ngày 01/07/2008; hoặc:</p> <p>+Nếu không có hợp đồng đóng mới, được đặt sổ chính từ ngày 01/01/2009; hoặc:</p> <p>+Được bàn giao vào hoặc sau ngày 01/07/2012.</p> <p>-Két chứa nước dằn chuyên dụng của tất cả các loại tàu và không gian mạn kép của tàu chở hàng rời có chiều dài từ 150 m trở lên phải được bảo vệ bằng lớp phủ bề mặt thoả mãn tiêu chuẩn được nêu tại Nghị quyết MSC.215(82).</p>
2	Quy định V/19-1 của Công ước SOLAS đã được sửa đổi, bổ sung	Nghị quyết MSC.242(83)	Tất cả các tàu có tổng dung tích từ 300 trở lên.	31/12/2008	<p>Tàu phải trang bị thiết bị để phát thông tin về theo dõi và nhận biết tầm xa (LRIT) theo thời hạn như sau:</p> <p>-Tàu được đặt sổ chính từ ngày 31/12/2008: trước khi tàu ra hoạt động.</p> <p>-Tàu được đặt sổ chính trước ngày 31/12/2008:</p> <p>.a Nếu hoạt động trong vùng biển A1+A2+A3, tại đợt kiểm tra an toàn vô tuyến điện đầu tiên sau ngày 31/12/2008.</p> <p>.b Nếu hoạt động vùng biển A1+A2+A3+A4, tại đợt kiểm tra an toàn vô tuyến điện đầu tiên sau ngày 01/07/2009; tuy nhiên, khi hoạt động trong vùng biển A1+A2+A3, tàu phải thoả mãn yêu cầu nêu tại .a.</p>

TT	Quy định	Tài liệu tham chiếu	Đối tượng áp dụng	Ngày có hiệu lực áp dụng	Ghi chú
CÔNG ƯỚC SOLAS VÀ CÁC BỘ LUẬT, NGHỊ QUYẾT LIÊN QUAN					
3	Chương II-1 của Công ước SOLAS đã được sửa đổi, bổ sung	Nghị quyết MSC.281(85), MSC.216(82) và MSC.194(80)	Tàu có chiều dài mạn khô từ 80 m trở lên, được đặt sống chính từ ngày 01/01/2009.	01/01/2009	-Tàu phải áp dụng các yêu cầu mới về ổn định hư hỏng theo phương pháp xác suất được nêu tại các phần từ B-1 đến B-4, Chương II-1 của SOLAS. Phương pháp tính toán thay thế có thể được Chính quyền Hàng hải chấp nhận nếu phương pháp này có cùng mức độ an toàn với các quy định liên quan nêu trong SOLAS. -Tàu phải được trang bị hệ thống hút khô nước đáy tàu hiệu quả cho tất cả các khoang kín nước không phải là két chứa chất lỏng. -Thuyền trưởng phải được trang bị Thông báo ổn định hư hỏng. Thông báo ổn định hư hỏng bao gồm phương pháp tính toán đơn giản, dễ hiểu để đánh giá khả năng tồn tại của tàu. Hướng dẫn về Thông báo ổn định hư hỏng được nêu trong Thông tư MSC/Circ.919.
4	Quy định XI-1/5 của Công ước SOLAS 74 đã được sửa đổi, bổ sung	Nghị quyết MSC.194(80)	Tất cả các tàu có tổng dung tích từ 500 trở lên, bất kể năm đóng.	01/01/2009	Trong Bản ghi lý lịch liên tục của tàu phải ghi số phân biệt (số IMO) của Công ty.
5	Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (ISM Code) đã được sửa đổi, bổ sung	Nghị quyết MSC.195(80)	Tất cả các tàu có tổng dung tích từ 500 trở lên, bất kể năm đóng; và các công ty quản lý các tàu này.	01/01/2009	Trong Giấy chứng nhận phù hợp (DOC) của Công ty và Giấy chứng nhận quản lý an toàn của tàu phải ghi số phân biệt (số IMO) của Công ty.

TT	Quy định	Tài liệu tham chiếu	Đối tượng áp dụng	Ngày có hiệu lực áp dụng	Ghi chú
CÔNG ƯỚC SOLAS VÀ CÁC BỘ LUẬT, NGHỊ QUYẾT LIÊN QUAN					
6	Bộ luật quốc tế về an ninh tàu và cảng biển (ISPS Code) đã được sửa đổi, bổ sung	Nghị quyết MSC.196(80)	Tất cả các tàu có tổng dung tích từ 500 trở lên, bất kể năm đóng.	01/01/2009	Trong giấy chứng nhận an ninh tàu biển của tàu phải ghi số phân biệt (số IMO) của Công ty.
7	Quy định VI/5-1 của Công ước SOLAS 74 đã được sửa đổi, bổ sung	Nghị quyết MSC.239(83)	Tất cả các tàu có tổng dung tích từ 500 trở lên, bất kể năm đóng.	01/07/2009	Tàu chở các loại hàng được định nghĩa trong Phụ chương I, Phụ lục I của Công ước MARPOL 73/78 và các loại dầu nhiên liệu hàng hải phải được cấp "Bản số liệu an toàn vật liệu" (Material Safety Data Sheet) trước khi nhận các loại hàng này trên tàu. Bản số liệu an toàn vật liệu phải phù hợp với Nghị quyết MSC.150(77).
8	Quy định II-1/3-9 của Công ước SOLAS đã được sửa đổi, bổ sung	Nghị quyết MSC.256(84)	Tàu mới có tổng dung tích từ 500 trở lên (xem cột ghi chú).	01/01/2010	<p>-Phương tiện dùng để người lên và xuống tàu (cầu thang mạn, cầu lên xuống) trang bị cho tàu đóng từ ngày 01/01/2010, hoặc thay mới cho phương tiện hiện có trên tàu đóng trước ngày 01/01/2010, phải được thiết kế và chế tạo thoả mãn tiêu chuẩn do IMO đưa ra. Phải thực hiện kiểm tra hàng năm phương tiện dùng để người lên và xuống tàu để xác nhận sự hoạt động thoả mãn của thang, cầu thang và tời liên quan. Phương tiện dùng để đưa người lên xuống tàu phải được thử tải 5 năm một lần với tải trọng thử bằng tải trọng làm việc lớn nhất.</p> <p>-Phương tiện hiện có dùng để người lên và xuống tàu trang bị cho tàu đóng trước ngày 01/01/2010 phải được kiểm tra hàng năm để xác nhận sự hoạt động thoả mãn của thang, cầu thang và tời liên quan. Đồng thời, phương tiện phải được thử tải 5 năm một lần với tải trọng thử bằng tải trọng làm việc lớn nhất; hoặc, nếu không biết được tải trọng làm việc lớn nhất, tải trọng thử do chủ tàu/ người quản lý tàu quyết định.</p>

TT	Quy định	Tài liệu tham chiếu	Đối tượng áp dụng	Ngày có hiệu lực áp dụng	Ghi chú
CÔNG ƯỚC SOLAS VÀ CÁC BỘ LUẬT, NGHỊ QUYẾT LIÊN QUAN					
9	Quy định II-2/10 của Công ước SOLAS đã được sửa đổi, bổ sung - Nâng cấp hệ thống cứu hoả cố định bằng CO ₂	Nghị quyết MSC.256(84)	Tàu có tổng dung tích từ 500 trở lên đóng trước ngày 01/07/2002.	01/01/2010	Hệ thống cứu hoả cố định bằng CO ₂ dùng để bảo vệ buồng máy và buồng bơm hàng lắp đặt trên tàu đóng trước ngày 01/07/2002 phải được nâng cấp để thoả mãn các quy định về phương tiện điều khiển của Bộ luật quốc tế về các hệ thống chống cháy (FSS Code). Phương tiện điều khiển xả CO ₂ bao gồm hai cơ cấu riêng biệt bố trí trong cùng một hộp điều khiển cùng với thiết bị báo động bằng âm thanh trước khi thực hiện xả CO ₂ . Việc nâng cấp này phải được thực hiện tại đợt kiểm tra trên đà theo chu kỳ đầu tiên sau ngày 01/01/2010.
10	Quy định II-1/3-4.2 của Công ước SOLAS đã được sửa đổi, bổ sung - Quy trình kéo khẩn cấp của tàu	Nghị quyết MSC.256(84)	Tàu có tổng dung tích từ 500 trở lên (xem cột ghi chú).	01/01/2010	-Tàu phải được trang bị quy trình kéo khẩn cấp theo thời hạn sau đây: +Tàu đóng từ ngày 01/01/2010: trước khi tàu được đưa ra khai thác. +Tàu đóng trước ngày 01/01/2010: không muộn hơn ngày 01/01/2012. -Quy trình kéo khẩn cấp được soạn thảo dựa trên Thông tư MSC.1/Circ.1255 "Hướng dẫn cho chủ tàu/ người khai thác tàu soạn thảo quy trình kéo khẩn cấp".
11	Quy định III/6.2.2 của Công ước SOLAS đã được sửa đổi, bổ sung	Nghị quyết MSC.256(84)	Tàu có tổng dung tích từ 300 trở lên, bắt kể năm đóng.	01/01/2010	Sử dụng thuật ngữ mới "Thiết bị xác định vị trí tìm kiếm và cứu nạn" (Search and Rescue Locating Device) thay cho thuật ngữ "Thiết bị phát báo ra ã" (Radar Transponder).

TT	Quy định	Tài liệu tham chiếu	Đối tượng áp dụng	Ngày có hiệu lực áp dụng	Ghi chú
CÔNG ƯỚC SOLAS VÀ CÁC BỘ LUẬT, NGHỊ QUYẾT LIÊN QUAN					
12	Bộ luật ổn định nguyên vẹn năm 2008 (IS Code 2008)	-Nghị quyết MSC.267(85) (thông qua Bộ luật IS) -Nghị quyết MSC.269(85) (sửa đổi, bổ sung SOLAS - bắt buộc áp dụng Bộ luật IS) -Nghị quyết MSC.270(85) (sửa đổi, bổ sung LOADLINE - bắt buộc áp dụng Bộ luật IS)	Tàu có chiều dài từ 24 m trở lên, được đặt sống chính từ ngày 01/07/2010.	01/07/2010	-IS Code 2008 thay thế IS Code 1993 và bắt buộc áp dụng cho tàu liên quan theo Quy định II-1/5 của SOLAS và Quy định 1 của LOADLINE. -Thông tư MSC.1/Circ.1292 khuyến khích các quốc gia thành viên Công ước SOLAS và LOADLINE áp dụng IS Code 2008 cho các tàu được đóng từ ngày 05/12/2008.
13	Nghị quyết MSC.277(85) - Hướng dẫn áp dụng Công ước SOLAS đối với tàu chở xô hàng khô	Nghị quyết MSC.277(85)	Tất cả các tàu có tổng dung tích từ 500 trở lên, được đặt sống chính từ ngày 01/07/2010.	01/07/2010	-Nghị quyết MSC.277(85) chỉ mang tính hướng dẫn; không bắt buộc áp dụng. Nghị quyết đưa ra các khuyến nghị liên quan đến việc chứng nhận các tàu dự định dùng để chở xô hàng khô theo quy định của SOLAS, thông qua việc phân biệt tàu chủ yếu dùng để chở xô hàng khô với tàu đôi khi dùng để chở xô hàng khô. Các tàu đôi khi dùng để chở xô hàng khô được khuyến nghị phải tuân theo một số quy định áp dụng cho tàu chở hàng rời tùy thuộc vào chiều dài mạn khô của tàu. Nếu tàu có chiều dài mạn khô nhỏ hơn 100 m, thì phải trang bị máy tính xếp tải và hệ thống báo động, hút khô nước ngập. Nếu tàu có chiều dài từ 100 m trở lên, ngoài việc áp dụng các yêu cầu nói trên, phải có cấu trúc hai vỏ. Không gian giữa hai vỏ không được sử dụng để chứa hàng và phải được bảo vệ bằng lớp phủ bề mặt theo Nghị quyết MSC.215(82).

TT	Quy định	Tài liệu tham chiếu	Đối tượng áp dụng	Ngày có hiệu lực áp dụng	Ghi chú
CÔNG ƯỚC SOLAS VÀ CÁC BỘ LUẬT, NGHỊ QUYẾT LIÊN QUAN					
14	Bộ luật quản lý an toàn quốc tế sửa đổi, bổ sung (ISM Code)	Nghị quyết MSC.273(85)	Tất cả các tàu cho tổng dung tích từ 500 trở lên, bất kể năm đóng.	01/07/2010	Công ty phải thực hiện việc đánh giá an toàn trên tàu và trên bờ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng để xác nhận các hoạt động liên quan đến an toàn và phòng ngừa ô nhiễm môi trường phù hợp với hệ thống quản lý an toàn. Trong những trường hợp ngoại lệ, khoảng thời gian này có thể kéo dài thêm không quá 3 tháng. Hệ thống quản lý an toàn phải được thuyền trưởng xem xét định kỳ. Khi xây dựng quy trình thực hiện hành động khắc phục, thì quy trình này phải bao gồm cả biện pháp dự định để ngăn ngừa sự tái diễn hành động không phù hợp. Việc cấp mới giấy chứng nhận quản lý an toàn được thực hiện giống như các giấy chứng nhận cấp theo quy định của Công ước SOLAS.
15	Bộ luật quốc tế về vận chuyển hàng rời rã bằng đường biển (IMSBC Code 2008)	-Nghị quyết MSC.268(85) (thông qua Bộ luật IMSBC) -Nghị quyết MSC.269(85) (sửa đổi, bổ sung SOLAS - bắt buộc áp dụng Bộ luật IMSBC)	Tất cả các tàu cho tổng dung tích từ 500 trở lên, bất kể năm đóng.	01/01/2011	-IMSBC Code 2008 thay thế BC Code 2004 và bắt buộc áp dụng cho tàu liên quan theo Qđ VI/1-2 của SOLAS. -IMSBC Code được khuyến nghị áp dụng từ ngày 01/01/2009.

TT	Quy định	Tài liệu tham chiếu	Đối tượng áp dụng	Ngày có hiệu lực áp dụng	Ghi chú
CÔNG ƯỚC MARPOL VÀ CÁC BỘ LUẬT, NGHỊ QUYẾT LIÊN QUAN					
16	Phụ lục IV của Công ước MARPOL 73/78 đã được sửa đổi, bổ sung - Ngăn ngừa ô nhiễm do nước thải	Nghị quyết MEPC.88(44)	Tất cả các tàu có tổng dung tích từ 400 trở lên hoặc tàu có tổng dung tích dưới 400 nhưng số người trên tàu từ 15 người trở lên, được đóng trước ngày 27/09/2003.	Áp dụng trước ngày 27/09/2008 cho tàu được đóng trước ngày 27/09/2003	Tàu phải thoả mãn các quy định về ngăn ngừa ô nhiễm do nước thải không muộn hơn ngày 27/09/2008.
17	Quy định 11.1.1, Phụ lục IV của Công ước MARPOL 73/78 đã được sửa đổi, bổ sung - Ngăn ngừa ô nhiễm do nước thải	Nghị quyết MEPC.164(56)	Tất cả các tàu có tổng dung tích từ 400 trở lên hoặc tàu có tổng dung tích dưới 400 nhưng số người trên tàu từ 15 người trở lên, bất kể năm đóng.	13/12/2008	-Lưu lượng thải nước thải chưa qua xử lý từ tàu phải được Chính quyền quốc gia tàu mang cờ quốc tịch duyệt dựa trên tiêu chuẩn khuyến nghị được nêu trong Nghị quyết MEPC.157(55). -Nghị quyết MEPC.157(55) áp dụng cho tàu thực hiện việc thải trực tiếp nước thải chưa qua xử lý ra biển; bao gồm: +Tàu chỉ được trang bị két chứa nước thải; và: +Tàu được trang bị thiết bị xử lý nước thải (Sewage Treatment Plant) hoặc hệ thống nghiền và khử trùng nước thải (Comminuting and Disinfecting System) nhưng vẫn có khả năng thải trực tiếp nước thải chưa qua xử lý ra biển.

TT	Quy định	Tài liệu tham chiếu	Đối tượng áp dụng	Ngày có hiệu lực áp dụng	Ghi chú
CÔNG ƯỚC MARPOL VÀ CÁC BỘ LUẬT, NGHỊ QUYẾT LIÊN QUAN					
18	Quy định 9, Phụ lục IV của Công ước MARPOL 73/78 đã được sửa đổi, bổ sung - Ngăn ngừa ô nhiễm do nước thải	Nghị quyết MEPC.159(55)	Tất cả các tàu có tổng dung tích từ 400 trở lên hoặc tàu có tổng dung tích dưới 400 nhưng số người trên tàu từ 15 người trở lên, bất kể năm đóng (xem cột "Ghi chú").	01/01/2010	Thiết bị xử lý nước thải lắp đặt trên các tàu được đóng từ ngày 01/01/2010, hoặc thiết bị xử lý nước thải được thay mới từ ngày 01/01/2010 cho thiết bị hiện có trên các tàu được đóng trước ngày 01/01/2010, phải thỏa mãn tiêu chuẩn chức năng được nêu trong Nghị quyết MEPC.159(55). -Nghị quyết MEPC.159(55) thay thế và huỷ bỏ Nghị quyết MEPC.2(VI).
19	Bộ luật kỹ thuật NOx đã được sửa đổi, bổ sung	Nghị quyết MEPC.177(58)	Tất cả các tàu.	01/07/2010	Thay đổi chủ yếu của Bộ luật kỹ thuật NOx bao gồm: phê chuẩn động cơ diesel hiện có (chế tạo trước năm 2000); phê chuẩn phương pháp đo và giám sát trực tiếp; và quy trình tính lượng phát thải NOx sửa đổi.

TT	Quy định	Tài liệu tham chiếu	Đối tượng áp dụng	Ngày có hiệu lực áp dụng	Ghi chú
CÔNG ƯỚC MARPOL VÀ CÁC BỘ LUẬT, NGHỊ QUYẾT LIÊN QUAN					
20	Phụ lục VI của Công ước MARPOL 73/78 đã được sửa đổi, bổ sung - Ngăn ngừa ô nhiễm không khí	Nghị quyết MEPC.176(58)	Tất cả các tàu.	01/07/2010	<p>-Hàm lượng lưu huỳnh trong dầu nhiên liệu sử dụng khi tàu hoạt động trong khu vực kiểm soát phát thải ô xít lưu huỳnh (bao gồm biển Baltic và biển Bắc) từ ngày 01/07/2010 sẽ giảm từ 1,5% m/m xuống 1,0% m/m; và từ ngày 01/01/2015, hàm lượng này sẽ giảm xuống 0,1% m/m.</p> <p>- Hàm lượng lưu huỳnh trong dầu nhiên liệu sử dụng khi tàu hoạt động ngoài khu vực kiểm soát phát thải ô xít lưu huỳnh từ ngày 01/01/2012 sẽ giảm từ 4,5% m/m xuống 3,5% m/m; tiếp theo, dựa trên kết quả đánh giá sự sẵn có của dầu nhiên liệu trên thế giới, hàm lượng này sẽ giảm xuống 0,5% m/m từ ngày 01/01/2020.</p> <p>-Giới hạn phát thải ô xít ni tơ thấp hơn được áp dụng cho động cơ diesel lắp đặt trên tàu đóng sau ngày 01/01/2011.</p> <p>-Tàu đóng sau ngày 01/01/2016 và hoạt động trong khu vực kiểm soát phát thải, lượng phát thải ô xít ni tơ phải giảm bớt khoảng 80% so với hiện nay.</p> <p>-Động cơ diesel cỡ lớn (công suất lớn hơn 5000 kW và thể tích một xy lanh lớn hơn 90 lít) lắp đặt trên tàu được đóng từ năm 1990 đến 2000 cũng phải tuân thủ giới hạn phát thải ô xít ni tơ hiện tại.</p>

TT	Quy định	Tài liệu tham chiếu	Đối tượng áp dụng	Ngày có hiệu lực áp dụng	Ghi chú
CÔNG ƯỚC AFS 2001					
21	Công ước quốc tế về kiểm soát các hệ thống chống hà độc hại của tàu (AFS 2001)	Công ước AFS	Tất cả các tàu có tổng dung tích từ 400 trở lên.	17/09/2008	Công ước AFS 2001 có hiệu lực từ ngày 17/09/2008. Tàu phải được kiểm tra và chứng nhận là hệ thống chống hà áp dụng cho tàu thoả mãn các quy định của Công ước AFS 2001.
CÔNG ƯỚC BWM 2004 VÀ NGHỊ QUYẾT LIÊN QUAN					
22	Công ước quốc tế về kiểm soát và quản lý nước dẫn và cặn nước dẫn tàu (BWM 2004)	Công ước BWM 2004 và Nghị quyết A.1005(25)	Tất cả các tàu có tổng dung tích từ 400 trở lên.	Chưa có hiệu lực	<p>1. Công ước BWM 2004 áp dụng cho tất cả các tàu có tổng dung tích từ 400 trở lên như được nêu dưới đây (Bảng 1). Tàu đóng trước năm 2009 (sau đây gọi là tàu hiện có) phải thoả mãn các yêu cầu liên quan của Công ước từ năm 2009, bất kể Công ước có hiệu lực từ ngày nào. Tàu hiện có phải áp dụng Công ước tại đợt kiểm tra trung gian hoặc định kỳ đầu tiên, tùy thuộc đợt kiểm tra nào đến trước, sau ngày bàn giao tàu trong năm theo quy định tàu phải áp dụng yêu cầu liên quan của Công ước.</p> <p>2. Theo Nghị quyết A.1005(25), tàu đóng trong năm 2009 với tổng thể tích các két chứa nước dẫn nhỏ hơn 5000 m³ không cần tuân theo Quy định D-2 cho đến đợt kiểm tra hàng năm lần thứ hai nhưng không muộn hơn 31/12/2012 (Bảng 2). Tuy nhiên, loại tàu này nên được trang bị hệ thống quản lý nước dẫn ngay trong quá trình đóng tàu, vì sẽ rất khó thực hiện được điều này khi tàu đã được ra khai thác.</p>

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NƯỚC DẪN CỦA CÔNG ƯỚC BWM 2004

Bảng 1: Quy định về quản lý nước dẫn của Công ước BWM 2004

Quy định B-3	Ngày đặt sống chính	Thể tích các kết nước dẫn (m ³)	Năm									
			2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	
Tàu hiện có (tàu đóng trước năm 2009)												
Mục 1.2	Trước 2009	Nhỏ hơn 1500	D1 hoặc D2								D2	
Mục 1.1	Trước 2009	Từ 1500 đến 5000	D1 hoặc D2					D2				
Mục 1.2	Trước 2009	Trên 5000	D1 hoặc D2								D2	
Tàu mới (đóng từ năm 2009)												
Mục 3	Từ 2009	Nhỏ hơn 5000	D2									
Mục 4	Từ 2009 đến trước 2012	Từ 5000 trở lên	D1 hoặc D2								D2	
Mục 5	Từ 2012		D2									

D1 (Quy định D-1): Tiêu chuẩn trao đổi nước dẫn

D2 (Quy định D-2): Tiêu chuẩn chức năng nước dẫn

Bảng 2: Hoãn áp dụng Quy định D-2 cho tàu đóng trong năm 2009 theo Nghị quyết A.1005(25)

Nghị quyết	Ngày đặt sống chính	Thể tích các kết nước dẫn (m ³)	Năm								
			2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
A.1005(25)	Trong năm 2009	Nhỏ hơn 5000	D1 hoặc D2 (đợt kiểm tra hàng năm lần thứ hai trong năm 2011)			D2					